TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 4 - 2023
V/v Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Thúy Đoan.
2. Ông Hồ Minh Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Trần Cẩm Tú.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1973. *(có đơn xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu vực L, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Ngô Thanh H**, sinh năm 1972. *(có đơn xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu vực L, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2023, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:***

Năm 1994, bà và ông Ngô Thanh H tự nguyện chung sống với nhau, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống bà và ông H có mâu thuẫn chủ yếu do ông H nhậu nhẹt say xỉn về chửi mắng bà nhưng bà cũng cố gắng hàn gắn tình cảm. Đến khoảng năm 2012 thì lại phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng nhau về nhiều mặt nên thường xuyên cự cãi. Ông H nhiều lần cam kết sửa đổi nhưng rồi vẫn tiếp tục đánh đập bà. Nay bà

không thể tiếp tục chung sống với ông H nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Minh Tr (nam, sinh năm 1995) và Ngô Thị Ngọc H1 (nữ, sinh năm 1997). Con chung đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

**** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 01/3/2023, bị đơn ông Ngô Thanh H trình bày:***

Ông và bà Lê Thị N chung sống từ năm 1994, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn như bà N trình bày. Ông bà quen biết và tự nguyện chung sống với nhau nhưng do hoàn cảnh khó khăn, bận lo đi làm nên không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, ông và bà N chỉ có mâu thuẫn cự cãi nhau khoảng 5 – 6 tháng nay, chủ yếu do vấn đề tiền bạc, quan điểm sống không hợp, ông không có thu nhập nên ông và bà N hay cãi nhau và không còn quan tâm đến nhau khoảng 5 – 6 tháng nay. Thỉnh thoảng có khách thì ông mới nhậu, ông không thường xuyên nhậu nhẹt rồi đánh đập bà N. Nay bà N yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng thì ông không đồng ý, vì nếu ông đồng ý thì ông không còn chỗ ở. Ông muốn bà N cho ông thời gian để hàn gắn, sửa đổi và tiếp tục chung sống.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Minh Tr (nam, sinh năm 1995) và Ngô Thị Ngọc H1 (nữ, sinh năm 1997). Con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Do vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 206 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự và tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định.

+ Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị N và ông Ngô Thanh H. Về con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự thống nhất không có và không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị N và bị đơn ông Ngô Thanh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị N và ông Ngô Thanh H tự nguyện chung sống với nhau, không tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, bà N nộp đơn khởi kiện nên quan hệ pháp luật được xác định là "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông H đều thừa nhận sau một thời gian tìm hiểu, ông bà đã tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994. Theo bà N, quá trình chung sống có mâu thuẫn nhưng ông bà đã hàn gắn để tiếp tục chung sống. Đến năm 2012 thì ông H vẫn cứ nhậu nhẹt và đánh đập bà ngày càng nhiều hơn nên bà không thể tiếp tục chung sống với ông H. Ông H thừa nhận ông và bà N có mâu thuẫn nhưng chủ yếu do vấn đề tiền bạc. Nay bà N yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông H, ông H không đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà N và ông H đều thừa nhận giữa ông bà có mâu thuẫn không giải quyết được. Điều này cho thấy tình cảm giữa bà N và ông H đã thật sự rạn nứt, đồng thời, bà N và ông H không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông H.

[4] Về con chung: Bà N và ông H cùng xác định trong thời gian chung sống có 02 con chung tên Ngô Minh Tr (nam, sinh năm 1995) và Ngô Thị Ngọc H1 (nữ, sinh năm 1997) đều đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông H cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu số tiền 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 166; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 14, 51, 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị N và ông Ngô Thanh H.

- Về con chung: Bà Lê Thị N và ông Ngô Thanh H cùng xác định có 02 con chung tên Ngô Minh Tr (nam, sinh năm 1995) và Ngô Thị Ngọc H1 (nữ, sinh năm 1997) đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị N và ông Ngô Thanh H cùng xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải chịu số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Chuyển số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003809 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế